

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/DS-PT

Ngày 06 - 3 -2019

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,  
yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài  
sản và yêu cầu hủy một phần Giấy  
chứng nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lộc Sơn Thái;

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Trung Vân;

Bà Nguyễn Thị Minh Thùy.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Chu Thị Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh  
Lạng Sơn.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:**  
Bà Mông Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05 và 06 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh  
Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 71/2018/TLPT-DS ngày  
27/12/2018 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về  
tài sản và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018  
của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 18/2019/QĐ-PT ngày  
12 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị T; Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh  
Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hoàng Văn T1 (C); Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh  
Lạng Sơn; vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, chị Hoàng Thị Thanh M.  
(Theo văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 02 năm 2019).

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Hoàng Mạnh T2; Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn;  
có mặt.

2. Chị Hoàng Thị Bạch T3; Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

3. Chị Hoàng Thị Thanh M; Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4. Chị Hoàng Thị Ý N; Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

5. Bà Nguyễn Thị C1,

6. Anh Hoàng Chí T4;

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan :*

7. Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện C là ông Lương Văn T5, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C (theo giấy ủy quyền số 03/GUQ-UBND ngày 26/01/2018); vắng mặt.

8. Bà Hoàng Thị H; Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

9. Ông Trần Văn L; Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Hoàng Văn T1 (C) là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện của bà Đinh Thị T và trong quá trình giải quyết vụ án bà Đinh Thị T trình bày: Nguồn gốc đất hiện nay đang tranh chấp là do cha mẹ để lại cho chồng bà là ông Hoàng Văn C2 (đã chết), gia đình bà đã quản lý, sử dụng mảnh đất rừng này từ năm 1993. Năm 2010 được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Hoàng Văn C2 và bà Đinh Thị T. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 186, tờ bản đồ 1, diện tích 8.582m<sup>2</sup> tại N, Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN00369 ngày 28/7/2010. Về quá trình sử dụng đất: Từ năm 1990 khi vào làm dâu, bà đã được cuốc vườn, trồng sắn và đỗ, năm 1993 mẹ chồng bà (nay đã chết) lấy cây sỏ về trồng trên đất. Năm 1995 ông Hoàng Văn T1 tự ý đào hào phân chia ranh giới giữa đất nhà bà và đất nhà ông Hoàng Văn T1, ông Hoàng Văn T1 đã đào lấn sang đất nhà bà, lúc đó trên đất đang trồng cây sỏ con, khi gia đình bà phát hiện ông Hoàng Văn T1 đào hào thì ông Hoàng Văn T1 đã đào xong hào. Khi phát hiện ông Hoàng Văn T1 đào hào gia đình bà và ông Hoàng Văn T1 có thỏa thuận và thống nhất lại ranh giới thì gia đình bà mới tiến hành trồng thông theo dự án Việt Đức năm 1999, khi bà trồng thông còn thiếu cây thông con, bà lại tiếp tục trồng theo dự án 661 ranh giới được tính theo khuôn viên trồng thông chứ không phải theo ông Hoàng Văn T1

đào hào. Kể từ thời gian đó đến năm 2014 không xảy ra tranh chấp, sau khi chồng bà chết năm 2015 ông Hoàng Văn T1 mới chặt cây thông, cây sớ của gia đình bà. Lần thứ nhất chặt 14 cây thông và 02 cây sớ; lần thứ hai chặt 20 cây thông và 02 cây sớ đỏ; lần thứ ba chặt 36 cây thông, tổng cộng cả ba lần ông Hoàng Văn T1 chặt của nhà bà là 70 cây thông và 06 cây sớ. Cây thông của bà đã trồng được 18 năm, đường kính từ 20 - 25cm, cao 15m, giá trị khoảng 200.000 đồng/01 cây, bà đã thuê trích đo diện tích đất của bà theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân xã Y và gửi đơn lên Ủy ban nhân dân xã Y để giải quyết, nhưng ông Hoàng Văn T1 không đồng ý. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hoàng Văn T1 không được lấn chiếm đất của gia đình bà, về ranh giới thửa đất giữa gia đình bà với gia đình ông Hoàng Văn T1 bà chấp nhận xác định lấy đường ranh giới thửa đất là đường ranh giới bà đã chỉ tại buổi xem xét thẩm định tại chỗ, có các điểm từ BCDE'F'FGKH theo như sơ họa đã thể hiện, đây là đường ranh giới bà đang sử dụng thực tế và nó vẫn nằm trong diện tích đất mà gia đình bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và buộc ông Hoàng Văn T1 phải trả diện tích đất đã lấn chiếm của gia đình bà là 850,9m<sup>2</sup>. Về bồi thường cây trên đất gồm có 60 cây thông đã bị chặt gốc không còn khả năng sống và 05 cây sớ đã bị chặt, toàn bộ số cây này là do ông Hoàng Văn T1 đã chặt phá của gia đình bà, với tổng số tiền là 4.280.000 đồng. Đối với diện tích đất của gia đình bà Hoàng Thị H và gia đình ông Trần Văn L nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình bà, bà không yêu cầu giải quyết, vì trên thực tế thì gia đình bà Hoàng Thị H và gia đình ông Trần Văn L vẫn đang sử dụng, giữa gia đình bà và gia đình bà Hoàng Thị H, gia đình ông Trần Văn L không có tranh chấp xảy ra.

Bị đơn ông Hoàng Văn T1 trình bày: Nguồn gốc đất hiện nay đang có tranh chấp là do ông cha để lại cho ông từ năm 1960, khi lớn lên ông đã được cùng bố mẹ quản lý sử dụng mảnh đất đó, đến năm 1990 mẹ ông đã giao cho ông quản lý. Năm 1994 do ông không ở nhà mẹ ông đã đi kê khai để cấp sổ bìa xanh, năm 1995 thì gia đình ông được cấp sổ bìa xanh mang tên ông Hoàng Văn T1. Đến năm 2010 thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Hoàng Văn T1 và bà Nguyễn Thị C1 tại thửa đất số 170, tờ bản đồ: 1, diện tích 10.241m<sup>2</sup> tại Lục Càng, Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN00095 ngày 28/7/2010, ông thừa nhận năm 1995 ông được đào hào để làm ranh giới đất rừng giữa gia đình ông và gia đình ông Hoàng Văn C2 bà Đinh Thị T. Những cây thông, sớ trên đất bị chặt là do ông chặt, cụ thể là 60 cây thông (năm 2016 chặt 10 cây, đến tháng 5-6 năm 2017 chặt 50 cây), cây thông có đường kính trung bình là từ 10 đến 18 cm; cây sớ ông được chặt 05 cây đường kính khoảng 05 cm, hiện nay vẫn còn gốc, số cây thông, cây sớ trên đất tranh chấp mà ông đã chặt do mẹ ông trồng. Nay bà Đinh Thị T khởi kiện buộc ông trả lại diện tích đất tranh chấp là 850,9m<sup>2</sup> và bồi thường cây trên đất là 4.280.000 đồng ông không nhất trí, vì những cây thông, cây sớ đó là do mẹ ông đã trồng, hiện nay trên đất tranh chấp còn 01 cây thông trồng từ năm 1999, nên diện tích đất đang tranh chấp là của gia đình ông, đồng thời ông yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đinh Thị T đối với diện tích đất tranh chấp là 850,9m<sup>2</sup>.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Mạnh T2 trình bày: Từ khi anh lớn lên đã được bố mẹ đưa lên rừng N phát rừng, bố mẹ đã chỉ cho anh biết phần đất và cây của nhà anh, ranh giới thửa đất giữa gia đình anh và gia đình ông Hoàng Văn T1 đúng như mẹ anh chỉ. Năm 2014 bố anh mất, thì năm 2015 ông Hoàng Văn T1 mới tranh chấp đất rừng của nhà anh và chặt cây thông, cây sớ như mẹ anh bà Đinh Thị T đã trình bày. Nay anh cũng nhất trí như ý kiến của mẹ anh là yêu cầu ông Hoàng Văn T1 trả diện tích đất đã lấn chiếm của gia đình anh là 850,9m<sup>2</sup>. Về bồi thường cây trên đất gồm có 60 cây thông đã bị chặt gốc không còn khả năng sống và 05 cây sớ cũng bị chặt gốc, toàn bộ số cây này là do ông Hoàng Văn T1 đã chặt phá của gia đình anh, với tổng số tiền là 4.280.000 đồng ông Hoàng Văn T1 phải bồi thường cho gia đình anh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị Thanh M, Hoàng Thị Ý N trình bày: Đồng ý với ý kiến của ông Hoàng Văn T1 không chấp nhận trả đất và bồi thường số cây trên đất, vì đất đó là của gia đình các chị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị H, ông Trần Văn L trình bày: Gia đình ông bà có đất rừng giáp với đất nhà bà Đinh Thị T, trong quá trình sử dụng hai bên không xảy ra tranh chấp, đất của nhà ai nhà đất làm, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đinh Thị T có một phần diện tích đất của gia đình các ông, bà, sau này giữa bà Đinh Thị T và gia đình các ông, bà sẽ tự điều chỉnh. Về ranh giới đất giữa gia đình ông Hoàng Văn T1 và gia đình bà Đinh Thị T các ông bà không biết, trước năm 2015 khi hai gia đình xảy ra tranh chấp trở về trước chưa thấy gia đình ông Hoàng Văn T1 và gia đình bà Đinh Thị T xảy ra tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn, người đại diện ông Lương Văn T5 trình bày: Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN00369 ngày 28/7/2010 cho ông Hoàng Văn C2 và bà Đinh Thị T, Ủy ban nhân dân huyện C khẳng định là cấp đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật, tại thời điểm đó là cấp đồng loạt, được thông báo rộng rãi trên toàn xã Yên Trạch. Khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Hoàng Văn C2 là người kê khai diện tích đất, địa chỉ đất trong sổ địa chính năm 2008 và có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất lâm nghiệp được Ủy ban nhân dân xã Yên Trạch, huyện C xác nhận đồng ý cấp. Tại đơn xin cấp đất chưa đóng dấu Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện C là do sơ xuất về thủ tục hành chính, nhưng về bản chất là đã được cấp đúng đối tượng, có biên bản xác định ranh giới, không có tranh chấp với các hộ liền kề. Đối với sổ bìa xanh của các đương sự được cấp trước khi cấp sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại thời điểm khi làm thủ cấp sổ bìa xanh là do các hộ dân đi chỉ, sau đó cán bộ Kiểm lâm khoan vẽ, xác định khoảng đất theo tọa độ trên bản đồ, không tiến hành đo đạc, thực địa ranh giới cụ thể, nên không có độ chính xác về thửa đất, về diện tích và ranh giới. Nay Ủy ban nhân dân huyện C đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và không cần thiết phải hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đinh Thị T theo yêu cầu của ông Hoàng Văn T1.

Ngày 28/3/2018 Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, xác định như sau:

Đất tranh chấp được xác định có địa danh, địa điểm tại: N, thôn N, xã Y, huyện C. Toàn bộ diện tích đất tranh chấp là đất trồng rừng thuộc thửa đất số 170, 186, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Y, huyện C, diện tích là 850,9m<sup>2</sup> (818,9m<sup>2</sup> nằm trong thửa 186, 32,0m<sup>2</sup> nằm trong thửa 170). Có các phía tiếp giáp như sau:

- Phía Đông tiếp giáp với đất bà Đinh Thị T và đất ông Hoàng Văn T1.
- Phía Tây tiếp giáp với đất bà Đinh Thị T.
- Phía Nam tiếp giáp với đất nhà bà Đinh Thị T.
- Phía Bắc tiếp giáp với đất bà Đinh Thị T.

Trên đất xác định có 60 cây thông và 05 cây sớ đã bị ông Hoàng Văn Hoàng Văn T1 chặt khoanh vỏ gốc, còn 03 cây thông còn sống.

Giá trị tài sản gồm: Diện tích đất tranh chấp là 850,9m<sup>2</sup> có trị giá 5.956.300 đồng. 60 cây thông đã bị chặt trị giá 4.200.000 đồng; 05 cây sớ đã bị chặt trị giá 80.000 đồng; 03 cây thông còn sống trị giá 210.000 đồng; 02 cây sớ còn sống trị giá 220.000 đồng. Tổng trị giá tài sản cây và đất: 10.666.300 đồng (mười triệu sáu trăm sáu mươi nghìn ba trăm đồng). Trong đó số cây thông và cây sớ đã bị chặt, xác định thiệt hại là 4.280.000 đồng (bốn triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Ngày 15/01/2018 Tòa án nhân dân huyện C đã ra Quyết định trưng cầu giám định đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN00369 ngày 28/7/2010 cấp cho ông Hoàng Văn C2 và bà Đinh Thị T và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN00095 ngày 28/7/2010 cấp cho ông Hoàng Văn T1 và bà Nguyễn Thị C1 về việc có chồng lẫn nhau không?. Ngày 29/6/2018 Tòa án nhân dân huyện C nhận được Kết luận giám định do Giám định viên ông Hoàng Văn Toàn thực hiện, kết luận: Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN00369 ngày 28/7/2010 cấp cho ông Hoàng Văn C2 và bà Đinh Thị T và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN00095 ngày 28/7/2010 cấp cho ông Hoàng Văn T1 (giấy chứng nhận ghi Hoàng Văn C) và bà Nguyễn Thị C1 là không có chồng lẫn.

Tại Bản án số 07/2018/DS-ST ngày 19-11-2018, Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 164; khoản 1 Điều 166; khoản 1 Điều 175, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 589, Điều 357 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 34; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 166; khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị T.

1.1. Bà Đinh Thị T được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 818,9m<sup>2</sup>, khu đất có các phía tiếp giáp như sau:

Phía Đông tiếp giáp thửa đất số 170, 186 (B-C-D-E'-F')

Phía Tây tiếp giáp thửa đất số 186 (A-L-G-K-H')

Phía Nam tiếp giáp thửa đất số 186 (F'-F-G-H-H')

Phía Bắc tiếp giáp thửa đất số 186 (A-B)

*(Có mảnh trích đo địa chính bổ sung đính kèm mảnh trích đo địa chính số ĐT 18 -2018 kèm theo bản án, ký hiệu là hình BCDE'F'FGHH'KGLAB).*

Buộc ông Hoàng Văn T1 trả lại diện tích đất trên cho bà Đinh Thị T.

1.2. Ông Hoàng Văn T1 được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 32m<sup>2</sup>, khu đất có các phía tiếp giáp như sau:

Phía Đông, Nam tiếp giáp thửa đất số 170 (E-F')

Phía Tây tiếp giáp thửa đất số 170 (E-E')

Phía Bắc tiếp giáp thửa đất số 186 (E'-F)

*(Có mảnh trích đo địa chính bổ sung đính kèm mảnh trích đo địa chính số ĐT 18 -2018 kèm theo bản án, ký hiệu là hình E'EF'E)*

2. Buộc ông Hoàng Văn T1 phải bồi thường trị giá cây thông và cây sớ cho bà Đinh Thị T số tiền là 4.280.000 đồng (bốn triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Bà Đinh Thị T phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 500.000 đồng; ông Hoàng Văn T1 phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 11.500.000 đồng.

Buộc ông Hoàng Văn T1 phải thanh toán cho bà Đinh Thị T số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đã bỏ ra tạm ứng trước là 11.500.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu lãi chậm trả, quyết định nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 03 tháng 12 năm 2018, ông Hoàng Văn T1 kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật không nhất trí với quyết định của Bản án số 07/2018/DS-ST ngày 19-11-2018, Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn

Tại phiên tòa phúc thẩm

Người kháng cáo ủy quyền cho chị Hoàng Thị Thanh M. Tại phiên tòa chị M vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị T và yêu cầu Tòa án hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ bà Đinh Thị T đối với diện tích đất đang tranh chấp, không nhất trí với quyết định của Bản án sơ thẩm .

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ pháp luật; việc thu thập chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đúng trình tự và đầy đủ; việc tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về thủ tục tố tụng; người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, Đối với đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hoàng Văn C2 không có chữ ký của cơ quan tài nguyên môi trường. Ông T1 (C) đào hào vào năm nào bà Toán không nhớ. Số cây mà ông T1 (C) chặt bên nguyên đơn yêu cầu không rõ cụ thể, thời điểm. Nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2018/DS-ST ngày 19/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ và ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa.

[2] Xét đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Văn T1 (C) trong thời hạn luật định nên là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm đơn ông Hoàng Văn T1 (C) không đến phiên tòa được, vì lý do sức khỏe. Ông đã ủy quyền cho con gái là Hoàng Thị Thanh M theo giấy ủy quyền ngày 27/2/2019.

[3] Về nội dung kháng cáo: Ông Hoàng Văn T1 (C) kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét Bản án dân sự sơ thẩm vì lý do: Bà Đinh Thị T xác định ranh giới qua việc trồng cây nhưng không có chứng cứ chứng minh cây đó do bà Toán trồng, trong khi cây gia đình ông cũng trồng. Ngoài ra gia đình ông còn đào hào để phân chia ranh giới rõ ràng trước khi bà Toán trồng cây cùng thời điểm sổ xanh được cấp năm 1995; ông cho rằng việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Đinh Thị T có sai sót khi cả hai gia đình đi chỉ giáp ranh, người đi chỉ là em trai ông Hoàng Văn Pái, người ký giáp ranh là vợ ông Nguyễn Thị C1 nên có sự mâu thuẫn, ông cũng không công nhận đó là chữ ký của vợ ông.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy: Đối tượng tranh chấp là quyền sử dụng đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản trên đất và hủy một phần giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đang tranh chấp, địa chỉ thửa đất tranh chấp tại: N, thôn N, xã Y, huyện C. Có diện tích 850,9m<sup>2</sup> (đây là diện tích đo đạc thực tế theo biên bản xem xét thẩm định ngày 28/3/2018) nằm trong thửa đất số 170, 186, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Vị trí đất tranh chấp tiếp giáp các phía như sau:

Phía Đông tiếp giáp với đất bà Đinh Thị T và đất ông Hoàng Văn T1.

Phía Tây tiếp giáp với đất bà Đinh Thị T.

Phía Nam tiếp giáp với đất nhà bà Đinh Thị T.

Phía Bắc tiếp giáp với đất bà Đinh Thị T.

[5] Giá trị tài sản gồm: Diện tích đất tranh chấp là 850,9m<sup>2</sup> có trị giá 5.956.300 đồng; 60 cây thông đã bị chặt trị giá 4.200.000 đồng; 05 cây sớ đã bị chặt trị giá 80.000 đồng; 03 cây thông còn sống trị giá 210.000 đồng; 02 cây sớ còn sống trị giá 220.000 đồng. Tổng trị giá tài sản cây và đất: 10.666.300 đồng (mười triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm đồng), trong đó số cây thông và cây sớ đã bị chặt xác định thiệt hại là 4.280.000 đồng.

[6] Xét về căn cứ xác lập quyền sử dụng đất: Diện tích đất đang tranh chấp là 818,9 m<sup>2</sup> nằm trong thửa đất 186 của gia đình bà Đinh Thị T, chỉ có 32m<sup>2</sup> là nằm trên thửa đất số 170 của ông Hoàng Văn T1. Nguồn gốc đất của bà Đinh Thị T là do cha mẹ chồng của bà Đinh Thị T để lại cho chồng bà là ông Hoàng Văn C2 (đã chết), gia đình bà đã quản lý, sử dụng mảnh đất rừng này từ năm 1990 đến năm 2010 được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Hoàng Văn C2 và bà Đinh Thị T. Địa chỉ Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 186, tờ bản đồ 1, diện tích 8.582,0m<sup>2</sup> tại N, Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN00369 ngày 28/7/2010.

[7] Về quá trình sử dụng đất: Bà Đinh Thị T khi về làm dâu năm 1990 bà đã sử dụng mảnh đất rừng này, năm 1993 bà là người trực tiếp phát cây để trồng sắn, đến năm 2010 được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, từ năm 1993 đến năm 2014 không xảy ra tranh chấp, gia đình bà sử dụng ổn định, đến năm 2015 thì mới xảy ra tranh chấp do ông Hoàng Văn T1 đến chặt cây của gia đình bà và cho rằng diện tích đất trồng cây là của gia đình ông Hoàng Văn T1. Về phía ông Hoàng Văn T1 khai: đất đang có tranh chấp này nằm trong mảnh đất rừng do mẹ ông cho ông năm 1994 và ông tiến hành đào hào từ năm 1995, sau khi đào xong ông đi làm ăn xa không có nhà, mãi đến năm 2014 thì ông mới về nhà hẳn, quá trình quản lý sử dụng đất là do mẹ ông quản lý, nhưng tại phần tranh luận tại phiên tòa, khi đối chất bà Đinh Thị T có trình bày chính mẹ ông Hoàng Văn T1 còn chưa rõ ranh giới thửa đất của gia đình nhà bà, có một lần lên rừng bà không nhớ rõ ngày, tháng, năm mẹ ông Hoàng Văn T1 còn hỏi bà: “ranh giới đất của nhà bà đến đâu bà còn không rõ? và tôi còn chỉ cho bà ranh giới theo đường tôi chỉ khi đi xem xét thẩm định và tôi vẫn sử dụng đúng ranh giới đó cho đến nay”; thì ông Hoàng Văn T1 lại có ý kiến phản bác chưa bao giờ mẹ ông đi rừng phát ranh giới, bản thân ông Hoàng Văn T1 cũng thừa nhận ông đi làm ăn xa từ năm 1995 đến năm 2014 mới về nhà hẳn, như vậy là có mâu thuẫn về việc gia đình ông quản lý sử dụng đất liên tục.

[8] Về thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN00369 ngày 28/7/2010 cho ông Hoàng Văn C2 và bà Đinh Thị T, Ủy ban nhân dân huyện C

khẳng định là cấp đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật, tại thời điểm đó là cấp đồng loạt, được thông báo rộng rãi trên toàn xã, khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Hoàng Văn C2 là người kê khai diện tích đất, địa chỉ đất trong sổ địa chính và có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất lâm nghiệp và được Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C xác nhận đất không có tranh chấp và đồng ý cấp. Việc này Tòa án đã thu thập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hoàng Văn C2 và bà Đinh Thị T để đối chiếu. Nên khẳng định việc Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN00369 ngày 28/7/2010 cho ông Hoàng Văn C2 và bà Đinh Thị T là đúng quy định.

[9] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hoàng Văn T1 (C) và người đại diện theo ủy quyền của ông T1 (C) thừa nhận đã chặt 60 cây thông, 05 cây sớ của gia đình bà Toán trồng.

[10] Về chứng cứ tài liệu các bên xuất trình: Bà Đinh Thị T xuất trình Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được nhà cấp năm 2010 và diện tích đất tranh chấp nằm trong thửa đất Nhà nước đã cấp cho gia đình bà, nay bà Đinh Thị T cũng không yêu cầu lấy hết phần diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN00369 ngày 28/7/2010 cấp cho ông Hoàng Văn C2 và bà Đinh Thị T, mà chỉ lấy theo ranh giới bà đang sử dụng thực tế; còn ông Hoàng Văn T1 cho rằng diện tích đất tranh chấp đó là của gia đình ông, nhưng diện tích đất tranh chấp lại không nằm trong thửa đất mà gia đình ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN00095 ngày 28/7/2010 cấp cho ông Hoàng Văn T1 và bà Nguyễn Thị C1, cấp cùng năm 2010 với gia đình bà Đinh Thị T, hơn nữa ông cho rằng trước khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông đã đào hào làm ranh giới giữa đất gia đình ông và đất gia đình bà Đinh Thị T (năm 1995), nhưng năm 2008 khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông lại không kê khai để cấp phần đất ông đã đào hào xác định ranh giới (theo đại diện ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện C trình bày năm 2008 khi thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân thời điểm này là cấp đồng loạt, có thông báo rộng rãi) nên việc ông Hoàng Văn T1 cho rằng gia đình ông không biết việc nhà nước tiến hành kê khai để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có căn cứ, năm 2010 sau khi nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông cũng không có ý kiến phản đối. và ông khai rằng những cây thông, cây sớ trên đất tranh chấp là của mẹ ông trồng từ năm 1997, hiện nay còn một cây trồng năm 1999, tại buổi hòa giải ngày 04/9/2018 ông có yêu cầu được đi giám định cây, Tòa án yêu cầu ông viết đơn và nộp tạm ứng chi phí để đi giám định, hết thời hạn yêu cầu nộp đơn nhưng ông không nộp, đến ngày 30/10/2008 Tòa án lấy lời khai lý do ông không làm thủ tục để đi giám định cây, ông cho rằng do bị ốm đi viện và đến thời điểm này ông không yêu cầu giám định cây

nữa, như vậy ông tự từ bỏ quyền tự chứng minh của mình, nên không có căn cứ chứng minh cây trên đất tranh chấp là cây của gia đình ông trồng.

[11] Từ những phân tích trên xác định toàn bộ diện tích đất có tranh chấp 818,9m<sup>2</sup> là có căn cứ của gia đình bà Đinh Thị T, còn diện tích 32m<sup>2</sup> là nằm trong diện tích ông T1 (C) được cấp. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Hoàng Văn T1 (C) yêu cầu được quản lý, sở hữu 850,9m<sup>2</sup>. Bà Đinh Thị T không yêu cầu đổi với diện tích 32m<sup>2</sup> nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hoàng Văn T1 (C) Vì vậy, cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị T buộc ông Hoàng Văn T1 (C) phải trả lại cho bà Đinh Thị T diện tích 818,9m<sup>2</sup>, còn 32m<sup>2</sup> trả lại cho ông Hoàng Văn T1 (C) tiếp tục được quản lý sở hữu. Đối với 60 cây thông; 05 cây sớ trên đất tranh chấp đã bị ông Hoàng Văn T1 (C) chặt, theo Hội đồng định giá có trị giá là 4.280.000 đồng, buộc ông Hoàng Văn T1 (C) phải bồi thường cho bà Đinh Thị T số tiền này.

[12] Về yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn đối với diện tích đất 818,9m<sup>2</sup> nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hoàng Văn C2 và bà Đinh Thị T: Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho họ bà Đinh Thị T không có tranh chấp, gia đình bà Đinh Thị T là người sử dụng đất ổn định từ năm 1990 cho đến khi kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2008, năm 2010 thì được nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, từ khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến năm 2014 gia đình ông Hoàng Văn T1 (C) không hề có sự phản đối về việc gia đình bà Đinh Thị T sử dụng diện tích đang có tranh chấp này, trong khi gia đình ông Hoàng Văn T1 cũng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng thời điểm đó nhưng lại không kê khai phần diện tích tranh chấp này. Tại phiên Tòa đại diện Ủy ban nhân dân huyện C vẫn khẳng định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn C2 và bà Đinh Thị T trong đó có diện tích đang tranh chấp nêu trên là đúng trình tự, đúng thủ tục và đúng đối tượng. Việc này cũng được Giám định viên Hoàng Văn Toàn kết luận: Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN00369 ngày 28/7/2010 cấp cho ông Hoàng Văn C2 và bà Đinh Thị T và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN00095 ngày 28/7/2010 cấp cho ông Hoàng Văn T1 (C) và bà Nguyễn Thị C1 là không có chồng lấn. Hơn nữa kể từ khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2010 cho các bên, đã sử dụng ổn định, lâu dài không xảy ra tranh chấp. Do vậy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng Văn T1 (C) đề nghị hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đinh Thị T đối với diện tích đất đang tranh chấp.

[13] Vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Văn T1 (C) và ý kiến đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát vì không có căn cứ.

[14] Do phần quyết định của bản án sơ thẩm chưa ghi địa danh, thửa đất số, và tờ bản đồ, nên cần sửa lời tuyên cho chặt chẽ. Là thêm địa danh, thửa đất số, và tờ bản đồ để đảm bảo cho việc thi hành. Nội dung, bản chất giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm.

[15] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết tổng số tiền 12.000.000 đồng, số tiền này bà Đinh Thị T đã nộp. Tại phiên tòa các đương sự không thỏa thuận được nghĩa vụ phải chịu. Do yêu cầu của bà Đinh Thị T được chấp nhận một phần nên theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; bà Đinh Thị T, ông Hoàng Văn T1 (C) phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tương ứng với phần không được chấp nhận. Bà Đinh Thị T phải chịu chi phí tố tụng số tiền tương ứng với trị giá diện tích 32m<sup>2</sup> đất phải trả cho ông Hoàng Văn T1 (C) (32m<sup>2</sup> tương ứng 4,6% diện tích đất tranh chấp), do vậy số tiền bà Đinh Thị T phải chịu là 500.000 đồng. Ông Hoàng Văn T1 (C) phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá còn lại là (12.000.000 đồng – 500.000 đồng) = 11.500.000 đồng.

[16] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Văn T1 (C) không được chấp nhận nên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đối với tranh chấp về quyền sở hữu tài sản và tranh chấp về quyền sử dụng đất mà Tòa án không xem xét giá trị, chỉ xem xét quyền sở hữu tài sản và tranh chấp quyền sử dụng đất của ai thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án không có giá ngạch. Trong vụ án này yêu cầu của bà Đinh Thị T được chấp nhận một phần, do vậy cả bà Đinh Thị T và ông Hoàng Văn T1 (C) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Đối với số tiền ông Hoàng Văn T1 (C) phải bồi thường cho bà Đinh Thị T số tiền là 4.280.000 đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng thì ông Hoàng Văn T1 (C) phải chịu. Ông Hoàng Văn T1 (C) phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận ông Trúc (C) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2012/05201 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lộc.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 164; khoản 1 Điều 166; khoản 1 Điều 175, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, khoản 1 Điều 589, Điều 357 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 34; khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 166; khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn T1 (C), giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2018/DS-ST ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Cụ thể như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị T.

1.1. Bà Đinh Thị T được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 818,9m<sup>2</sup> nằm trong diện tích 8582m<sup>2</sup> thửa 186, tờ bản đồ số 01 tại khu N, Thôn

N, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn C2 và bà Đinh Thị T. Đất có các phía tiếp giáp như sau:

Phía Đông tiếp giáp thửa đất số 170, 186 (B-C-D-E'-F')

Phía Tây tiếp giáp thửa đất số 186 (A-L-G-K-H')

Phía Nam tiếp giáp thửa đất số 186 (F'-F-G-H-H')

Phía Bắc tiếp giáp thửa đất số 186 (A-B)

*(Có mảnh trích đo địa chính bổ sung đính kèm mảnh trích đo địa chính số ĐT 18 -2018 kèm theo bản án, ký hiệu là hình BCDE'F'FGHH'KGLAB).*

Buộc ông Hoàng Văn T1 (C) trả lại diện tích đất trên cho bà Đinh Thị T.

1.2. Ông Hoàng Văn T1 (C) được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp là 32m<sup>2</sup> nằm trong diện tích 10241m<sup>2</sup> thửa đất số 170 tờ bản đồ số 01 tại khu Lục Càng, Thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng Văn T1 (C) và bà Nguyễn Thị C1. Đất có các phía tiếp giáp như sau:

Phía Đông, Nam tiếp giáp thửa đất số 170 (E-F')

Phía Tây tiếp giáp thửa đất số 170 (E-E')

Phía Bắc tiếp giáp thửa đất số 186 (E'-F)

*(Có mảnh trích đo địa chính bổ sung đính kèm mảnh trích đo địa chính số ĐT 18 -2018 kèm theo bản án, ký hiệu là hình E'EF'E)*

2. Buộc ông Hoàng Văn T1 (C) phải bồi thường trị giá cây thông và cây sớ cho bà Đinh Thị T số tiền là 4.280.000 đồng (bốn triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Bà Đinh Thị T phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng chẵn); ông Hoàng Văn T1 (C) phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 11.500.000 đồng (Mười một triệu năm trăm ngàn đồng chẵn), để trả cho bà Đinh Thị T số tiền là 11.500.000 đồng (Mười một triệu năm trăm ngàn đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Ông Hoàng Văn T1 (C) phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch và án phí dân sự không có giá ngạch đối với số tiền phải bồi thường cho bà Đinh Thị T là 300.000 đồng. Tổng cộng là 600.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Bà Đinh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Xác nhận bà Đinh Thị T đã nộp 2.428.000 đồng theo biên lai số: AA/2012/05013 ngày 16/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C trả lại cho bà Đinh Thị T 2.128.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp.

Ông Hoàng Văn T1 (C) phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là: 300.000 đồng sung quỹ Nhà nước. Xác nhận ông Trúc (C) đã nộp tại biên lai số AA/2012/05201 ngày 11/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao lộc, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6,7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP; TDS; KTNV và THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lộc Sơn Thái**





